

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2008/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Vụ Công nghệ thông tin****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Vụ Công nghệ thông tin là cơ quan tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, bao gồm:

- Công nghiệp công nghệ thông tin (gồm các chuyên ngành công nghiệp phần cứng, công nghiệp điện tử, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghệ thông tin);

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Vụ Công nghệ thông tin có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Chủ trì, hoặc tham gia soạn thảo trình Bộ trưởng dự thảo các văn bản quy phạm

pháp luật về công nghệ thông tin của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

2. Chủ trì, hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền của Bộ trình Bộ trưởng ban hành;

3. Tham gia xây dựng, nghiên cứu góp ý hoặc thẩm định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, dự án, đề án, chương trình về công nghệ thông tin;

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, cơ chế, chính sách, đề án, dự án, chương trình về công nghệ thông tin; các giải pháp thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ về công nghệ thông tin đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công nghệ thông tin;

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ nghiên cứu, góp ý, đề xuất kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thi hành, bãi bỏ hoặc sửa đổi những văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trái với văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin;

6. Chủ trì xây dựng quy định về sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, danh mục sản phẩm công nghệ thông tin bị cấm, hoặc được hưởng ưu đãi xuất nhập khẩu, các danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, chính sách mua sắm, sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin dùng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

7. Chủ trì tổ chức thẩm định các đề án, dự án đầu tư, các chương trình, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước do các Bộ, ngành gửi xin ý kiến;

8. Chủ trì nghiên cứu, xây dựng, thẩm định và trình phê duyệt các quy định về điều kiện, giấy phép hoạt động về công nghệ thông tin; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực công nghệ thông tin và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt theo sự phân công của Bộ trưởng;

9. Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về điều kiện hoạt động tư vấn công nghệ thông tin;

10. Chủ trì xây dựng, hoặc thẩm định, trình ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về ứng dụng và phát triển phần mềm mã nguồn mở và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

11. Chủ trì tổ chức nghiên cứu xây dựng, hoặc thẩm định, trình ban hành và hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy chế, chính sách quản lý các khu công nghệ thông tin tập trung;

12. Xây dựng hoặc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; chuẩn nhân lực công nghệ thông tin, các chứng chỉ, chứng nhận chuyên ngành liên quan về công nghệ thông tin;

13. Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, thẩm định, trình ban hành và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và các giao dịch điện tử theo sự phân công của Bộ trưởng;

14. Chủ trì tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, điều tra, thu thập số liệu, xây dựng và công bố các báo cáo về hiện trạng, tình hình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin quốc gia; xây dựng các cơ sở dữ liệu về tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, về sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin;

15. Thẩm định các tiêu chí, chỉ tiêu và tham gia đánh giá, xếp hạng các chỉ số hoặc bộ chỉ số khác nhau trong lĩnh vực

ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên phạm vi cả nước;

16. Hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra hoạt động của các tổ chức, các hội, hiệp hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tin học, điện tử, phần mềm, phần cứng, an toàn an ninh thông tin và các lĩnh vực công nghệ thông tin khác;

17. Tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về công nghệ thông tin;

18. Phối hợp xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin và làm đầu mối quản lý, triển khai thực hiện theo phân công của Bộ trưởng;

19. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ Văn phòng giúp việc Ban Chỉ đạo quốc gia về công nghệ thông tin;

20. Tổ chức thực hiện các hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế về công nghệ thông tin theo phân công của Bộ trưởng; tổ chức hoặc tham gia xét chọn, trao tặng các giải thưởng, bằng khen, danh hiệu trong lĩnh vực công nghệ thông tin;

21. Quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, tài sản, hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật và sự phân cấp của Bộ trưởng;

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

Vụ Công nghệ thông tin có Vụ trưởng, các Phó vụ trưởng và cán bộ, công chức chuyên môn.

Vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Vụ trưởng giúp Vụ trưởng chỉ đạo, và điều hành các mặt công tác của Vụ và chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức chuyên môn trong Vụ do Vụ trưởng quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 34/2003/QĐ-BBCVT ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Lê Doãn Hợp